

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H T1
TỈNH TÂY N**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/ HSST

Ngày: 23/6/2021

**NHÂN DA1H
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H T1, TỈNH TÂY N

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thạch.

2. Ông Võ QuA1g Truyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyễn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H T1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T1 tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Sĩ - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án thị xã H T1, tỉnh Tây N xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 59/2021/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021, T3 báo số 01 ngày 21/5/2021 và T3 báo số 02 ngày 09/6/2021 về việc xét xử đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị Thùy T (Hai L)**, sinh năm 1982 tại tỉnh Tây N; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Nhà số 149, Tổ 42, khu phố Long M, phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Kim P; CH: Sin Huyn Sik (chết); Con: Có 03 người; tiền sự, tiền án: Chưa có; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. **Huỳnh Công T1**, sinh năm 1991 tại tỉnh Trà V; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp Ô C, xã T3 H, huyện Cầu K, tỉnh Trà V; Nơi cư trú hiện nay: Nhà số 67/4, khu phố Long M, phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N; Nghề nghiệp: L2m mướn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn N2 và bà Trần Thị S; Vợ: Nguyễn Thị Tố D; Con: Có 02 người; tiền sự, tiền án: Chưa có; Tạm giữ: Ngày 18/02/2021; Tạm giam: 27/02/2021 đến ngày 29/4/2021 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn M T3 (V), sinh năm 1966 tại tỉnh Tây N; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Nhà số 66/3C, khu phố Long M, phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N; Nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (chết) và bà Hồ Thị N2 (chết); Vợ: Hà Phước H2; Con: Có 02 người; tiền sự, tiền án: Chưa có; Tạm giữ: Ngày 18/02/2021 đến ngày 27/02/2021 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Đoàn ThA1h L, sinh năm 1972 tại tỉnh Tây N; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Nhà số 35/5B, Tổ 29, khu phố Long M, phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N; Nghề nghiệp: L2m ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị T4; Vợ: Đặng M H (đã ly hôn); Con: Có 01 người; tiền sự, tiền án: Chưa có; Tạm giữ: Ngày 18/02/2021 đến ngày 27/02/2021 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Trịnh Hoàng V, sinh năm 1985, tại tỉnh Tây N; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Nhà số 67/4F, khu phố Long M, phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N; Nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn T5 và bà Nguyễn Thị H3; Vợ: PhA1 Thị Kim N2; Con: Có 02 người; tiền sự, tiền án: Chưa có; Tạm giữ: Ngày 18/02/2021 đến ngày 27/02/2021 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. H1 Văn T5, sinh năm 1997, tại T1 phố Hồ Chí M; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 196/6. Tổ 4, khu phố 4, phường Tân Hưng, quận 7, T1 phố Hồ Chí M; Nơi cư trú hiện nay: Nhà số 149, hẻm 71, tỉnh lộ 781, Tổ 42, khu phố Long M, phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N; Nghề nghiệp: L2m vườn; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không rõ họ tên và bà H1 Thị Kim L; Vợ con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Chưa có; Tạm giữ: Ngày 18/02/2021; Tạm giam: Ngày 27/02/2021 đến ngày 29/4/2021 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. Nguyễn Văn N (L1), sinh năm 1966, tại tỉnh Tây N; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 7, khu phố Hiệp Lễ, phường Hiệp N, T1 phố Tây N; Nơi cư trú hiện nay: Tổ 18, ấp N Hưng 1, xã Chà L2, huyện Dương M C, tỉnh Tây N; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T4 và bà Phạm Thị H1 (chết); Vợ con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Chưa có; Tạm giữ: Ngày 18/02/2021 đến ngày 27/02/2021 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: A1h Nguyễn Phước A1 (Ba Rên), sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: 66/3B, khu phố Long M, phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thùy T L2 chủ quán cà phê “Thùy T” tại số 149, Tổ 42, khu phố Long M, phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N, hàng ngày T chuẩn bị sẵn bài Tây để cung cấp cho những người đến uống nước đánh bạc được thua bằng tiền nhằm thu tiền xâu và bán nước cho khách. Khoảng 10 giờ ngày 18/02/2021, T cung cấp 02 bộ bài Tây cho Huỳnh Công T1, Nguyễn M T3, Đoàn ThA1h L, H1 Văn T5, Trịnh Hoàng V, Nguyễn Văn N và người tên “Gấu” (không rõ họ tên địa chỉ) cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào đếm nút, dạng “Tổ”. Theo quy ước, bộ bài Tây 52 lá, chia mỗi tụ 03 lá, khởi điểm mỗi tụ đặt 10.000 đồng, sau khi xem bài người chơi có quyền tổ tiếp, thấp nhất 20.000 đồng, cao nhất 100.000 đồng, khi mở bài, ai có nút bài lớn nhất thì người đó thắng (số nút được tính từ 01 đến 9, lá bài Tây tính 10 nút), người nào không chấp nhận tổ thì thua và không được mở bài, Nếu tụ nào có 03 lá bài có số nút tiến lên liền kề (như 3,4,5 gọi L2 sảnh) hoặc 03 lá bài giống nhau (gọi L2 sâm chi) thì sẽ thắng và phải bỏ tiền xâu vào hộp khăn giấy do T chuẩn bị sẵn 10.000 đồng, không có người L2m cái mà xoay vòng mỗi người chia bài 01 ván. Đến 15 giờ cùng ngày, khi Sng bài đA1g diễn ra thì bị Công A1 thị xã H T1 bắt quả tA1g, T đã thu tiền xâu được 70.000 đồng, thu giữ trên chiếu bạc 560.000 đồng, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc L2 15.360.000 đồng, cụ thể: Nguyễn M T3 5.000.000 đồng; Đoàn ThA1h L 4.360.000 đồng; Trịnh Hoàng V 2.380.000 đồng, Huỳnh Công T1 1.800.000 đồng; H1 Văn T5 1.020.000 đồng; Nguyễn Văn N 800.000 đồng, ngoài ra còn một số người đã chạy thoát trong lúc Công A1 bắt giữ.

Quá trình điều tra các bị cáo đã T1 khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 61/CT-VKSHT ngày 07/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T1, tỉnh Tây N đã truy tố Nguyễn Thị Thùy T (Hai L), Huỳnh Công T1, Nguyễn M T3 (V), Đoàn ThA1h L, Trịnh Hoàng V, H1 Văn T5, Nguyễn Văn N (L1) về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và trA1h luận, giữ nguyên quA1 điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy T (Hai L), Huỳnh Công T1, Nguyễn M T3 (V), Đoàn ThA1h L, Trịnh Hoàng V, H1 Văn T5, Nguyễn Văn N (L1) về tội “Đánh bạc”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, bị cáo Trịnh Hoàng V từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời giA1 thử thách từ 18 đến 24 tháng; bị cáo Nguyễn M T3, bị cáo Đoàn ThA1h L từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời giA1 thử thách từ 24 đến 30 tháng; bị cáo Huỳnh Công T1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời giA1 thử thách từ 12 đến 18 tháng; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo H1 Văn T5, bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; các bị cáo khác được miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định và các bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các Bị cáo biết sai phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAlh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quA1 điều tra Công A1 thị xã H T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quA1 tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quA1 tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Ngày 18/02/2021, bị cáo T sử dụng quán cà phê “Thùy T” do mình L2m chủ cung cấp bài cho các bị cáo Huỳnh Công T1, Nguyễn M T3, Đoàn ThA1h L, Trịnh Hoàng V, H1 Văn T5, Nguyễn Văn N cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền. Đến 15 giờ cùng ngày, khi Sng bài đA1g diễn ra thì bị Công A1 thị xã H T1 bắt quả tA1g, bị cáo T đã thu tiền xâu được 70.000 đồng, thu giữ trên chiếu bạc 560.000 đồng, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc L2 15.360.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T L2 chủ quán cà phê “Thùy T” có giấy đăng ký kinh doA1h, đã chuẩn bị sẵn bài Tây trong quán để cho những người tham gia đánh bạc và lấy tiền xâu 70.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Thị Thùy T không đủ định lượng để cấu T1 tội “Gá bạc” và “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Nên áp dụng khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2010 ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của Nguyễn Thị Thùy T đã đủ yếu tố cấu T1 tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ vật chứng thu giữ được, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, Huỳnh Công T1, Nguyễn M T3, Đoàn ThA1h L, Trịnh Hoàng V, H1 Văn T5 và Nguyễn Văn N phạm tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, các bị cáo biết rõ đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào thắng thua bằng tiền đều

bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T1 truy tố các bị cáo L2 đúng pháp luật.

[4]. Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T L2 chủ quán, không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng L2 người chuẩn bị bài Tây và sử dụng quán nước L2m địa điểm để cho các bị cáo khác đánh bạc trái phép dưới hình thức bài đếm nút được thua bằng tiền, tổng số tiền dùng để đánh bạc L2 15.360.000 đồng, bị cáo thu lợi bất chính nhận tiền xâu 70.000 đồng, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo Nguyễn M T3 sử dụng số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo Đoàn ThA1h L sử dụng số tiền 4.360.000 đồng, bị cáo Trịnh Hoàng V sử dụng số tiền 2.380.000 đồng, bị cáo Huỳnh Công T1 sử dụng số tiền 1.800.000 đồng vào mục đích đánh bạc, nên các bị cáo T3 và L có mức án ngang nhau và cao hơn bị cáo V, bị cáo T, bị cáo T1 và các bị cáo khác.

Bị cáo H1 Văn T5 sử dụng số tiền 1.020.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng số tiền 800.000 đồng vào mục đích đánh bạc, số tiền ít hơn các bị cáo khác, nên bị cáo T5 có mức án cao hơn bị cáo N.

Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, nên không cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo T, T3, L, V, T1 hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách nhất định, giao các bị cáo về chính quyền địa phương quản lý giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo T5 và N được xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, cải tạo các bị cáo

Bị cáo T5 đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021 đến ngày 29/4/2021; Bị cáo N đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021 đến ngày 27/02/2021 nên được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo T5, bị cáo N không có tài sản, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập.

Ngoài ra cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo còn lại.

[4]. Các biện pháp tư pháp: Về vật chứng đã thu giữ được xử lý theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,.

- Số tiền 14.640.000 đồng, trong đó thu giữ trên chiếu bạc 560.000 đồng và thu giữ của các bị cáo L2 14.080.000 đồng L2 tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo T nộp lại số tiền 70.000 đồng do thu lợi bất chính mà có để sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với các vật chứng:

- 01 bộ bài Tây loại 52 lá, đã qua sử dụng
- 01 bộ bài Tây loại 52 lá, chưa qua sử dụng
- 01 hộp bằng nhựa loại hộp chứa khăn giấy màu đỏ, đã qua sử dụng.

Không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Các tài sản thu giữ của bị cáo T3 gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 1: 357693107369200; số Imei 2: 357693107869209 kiểm tra trên thân máy (đã qua sử dụng);
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu bạc; số Imei: 359296063976873 (kiểm tra trên thân máy), bị bể màn hình trên góc trái (đã qua sử dụng).

Các tài sản thu giữ của bị cáo L gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Sam sung, màu đỏ; số Imei 1: 353248/11/632041/5 số Imei 2: 353249/11/632041/3 (kiểm tra trên thân máy), đã qua sử dụng;
- 01 xe mô tô hai bánh, biển số 70G1-526.47, nhãn hiệu HONDA DREAM, màu sơn nâu; số máy: HA08E-0718459, số khung: RLHHA08075Y718495. Tình trạng xe: đã qua sử dụng, không kính chiếu hậu.

Các tài sản thu giữ của bị cáo T5 gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, GaLxy A11, màu đen; số Imei 1: 355629/11/093447/5 kiểm tra trên thân máy (đã qua sử dụng);

Các tài sản thu giữ của bị cáo T1 gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xA1h; số Imei 1: 356819635449765, số Imei 2: 356819637449763 (đã qua sử dụng) của bị cáo T1.
- 01 xe mô tô hai bán, biển số 70C1-051.99, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu Đỏ - Đen, số máy: 5C63-645293, số khung: RLCS5C630CY645235. Tình trạng xe: đã qua sử dụng, không kính chiếu hậu.

Các tài sản thu giữ của bị cáo N gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu HuaWei, màu xA1h; số Imei 1: 864826037582114, số Imei 2: 864826037582122 kiểm tra trên thân máy (đã qua sử dụng);
- 01 xe mô tô hai bánh, biển số 70L5-9791, nhãn hiệu DREAM (Trung Quốc), màu sơn nâu, số máy: HD1P50FMG-3*Y0141726*, số khung: YX100*Y0047378*. Tình trạng xe: đã qua sử dụng, không kính chiếu hậu.

Các tài sản thu giữ của bị cáo V gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150, màu đen; số Imei 1: 352884102215580, số Imei 2: 352884102715589 đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, loại 32GB, màu trắng; số Imei: 355407079118475 (đã qua sử dụng).

Các tài sản của các bị cáo, điện thoại di động và xe mô tô không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

Tài sản thu giữ của A1h Nguyễn Phước A1 gồm:

- 01 xe mô tô hai bánh, biển số 70D1-302.70, nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn trắng, số máy: HC12E-5634565, số khung: RLHHC121XDY634445. Tình trạng xe: đã qua sử dụng, không kính chiếu hậu L2 tài sản của A1h A1 không liên quA1 đến vụ án nên trả lại cho A1h A1.

Đối với, những người tham gia đánh bạc đã chạy thoát khi Công A1 bắt quả tA1g và người tên Gấu (không rõ nhân thân địa chỉ) khi nào Cơ quA1 điều tra L2m rõ, xử lý sau.

Tiếp tục kê biên tài sản của bị cáo T, theo biên bản kê biên tài sản ngày 16/4/2021 của Cơ quA1 cảnh sát điều tra Công A1 thị xã H T1.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T (Hai L), Huỳnh Công T1, Nguyễn M T3 (V), Đoàn ThA1h L, Trịnh Hoàng V, H1 Văn T5, Nguyễn Văn N (L1) phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Thùy T (Hai L)**, 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời giA1 thử thách L2 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/6/2021).

Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Công T1**, 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời giA1 thử thách L2 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/6/2021).

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn M T3 (V)**, 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời giA1 thử thách L2 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/6/2021).

- Xử phạt: Bị cáo **Đoàn ThA1h L**, 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời giA1 thử thách L2 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/6/2021).

- Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Hoàng V** 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời giA1 thử thách L2 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/6/2021).

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T (Hai L), bị cáo Huỳnh Công T1, bị cáo Nguyễn M T3 (V), bị cáo Đoàn ThA1h L và bị cáo Trịnh Hoàng V cho Ủy bA1 nhân dân phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N để giám sát và giáo dục trong thời giA1 thử thách. Trường hợp bị cáo T, T1, T3, L, V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời giA1 thử thách, nếu bị cáo T, T1, T3, L, V cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **H1 Văn T5 01** (Một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; Khẩu trừ 02 (Hai) tháng, 09 (Chín) ngày tạm giữ, tạm giam bằng 06 (Sáu) tháng, 27 (Hai bảy) ngày vào thời giA1 chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại L2 05 (Năm) tháng 03 (Ba) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy bA1 nhân dân phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo H1 Văn T5 cho Ủy bA1 nhân dân phường Long T1 B, thị xã H T1, tỉnh Tây N để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy bA1 nhân dân phường Long T1 B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

Miễn khẩu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo H1 Văn T5.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn N (L1)** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; Khẩu trừ thời giA1 tạm giữ 09 (Chín) ngày tạm giữ, tạm giam bằng 27 (Hai bảy) ngày vào thời giA1 chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại L2 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy bA1 nhân dân xã Chà L2, huyện Dương M C, tỉnh Tây N được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N (L1) cho Ủy bA1 nhân dân xã Chà L2 để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy bA1 nhân dân xã Chà L2 trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

Miễn khẩu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Văn N (L1).

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 14.680.000 đồng

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy T nộp lại số tiền 70.000 đồng, tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

Tuyên trả lại cho bị cáo T3 các tài sản gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 1: 357693107369200; số Imei 2: 357693107869209 kiểm tra trên thân máy (đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu bạc; số Imei: 359296063976873 (kiểm tra trên thân máy), bị bể màn hình trên góc trái (đã qua sử dụng).

Tuyên trả lại cho bị cáo T5 tài sản gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, GaLxy A11, màu đen; số Imei 1: 355629/11/093447/5 kiểm tra trên thân máy (đã qua sử dụng);

Tuyên trả lại cho bị cáo L các tài sản gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Sam sung, màu đỏ; số Imei 1: 353248/11/632041/5 số Imei 2: 353249/11/632041/3 (kiểm tra trên thân máy), đã qua sử dụng;

- 01 xe mô tô hai bánh, biển số 70G1-526.47, nhãn hiệu HONDA DREAM, màu sơn nâu; số máy: HA08E-0718459, số khung: RLHHA08075Y718495. Tình trạng xe: đã qua sử dụng, không kính chiếu hậu.

Tuyên trả lại cho bị cáo N các tài sản gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu HuaWei, màu xA1h; số Imei 1: 864826037582114, số Imei 2: 864826037582122 kiểm tra trên thân máy (đã qua sử dụng);

- 01 xe mô tô hai bánh, biển số 70L5-9791, nhãn hiệu DREAM (Trung Quốc), màu sơn nâu, số máy: HD1P50FMG-3*Y0141726*, số khung: YX100*Y0047378*. Tình trạng xe: đã qua sử dụng, không kính chiếu hậu.

Tuyên trả lại cho bị cáo V các tài sản gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150, màu đen; số Imei 1: 352884102215580, số Imei 2: 352884102715589 đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, loại 32GB, màu trắng; số Imei: 355407079118475 (đã qua sử dụng).

Tuyên trả lại cho bị cáo T1 các tài sản gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xA1h; số Imei 1: 356819635449765, số Imei 2: 356819637449763 (đã qua sử dụng) của bị cáo T1.

- 01 xe mô tô hai bán, biển số 70C1-051.99, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu Đỏ - Đen, số máy: 5C63-645293, số khung: RLCS5C630CY645235. Tình trạng xe: đã qua sử dụng, không kính chiếu hậu.

Tuyên trả lại cho A1h Nguyễn Phước A1 tài sản gồm:

- 01 xe mô tô hai bánh, biển số 70D1-302.70, nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn trắng, số máy: HC12E-5634565, số khung: RLHHC121XDY634445. Tình trạng xe: đã qua sử dụng, không kính chiếu hậu.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 bộ bài Tây loại 52 lá, đã qua sử dụng;
- 01 bộ bài Tây loại 52 lá, chưa qua sử dụng;
- 01hộp bằng nhựa loại hộp chứa khăn giấy không nhãn hiệu, màu đỏ, đã qua sử dụng.

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H T1, tỉnh Tây N đA1g quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2021).

Lệnh kê biên tài sản số 04 ngày 15/4/2021 và biên bản kê biên tài sản ngày 16/4/2021 của Cơ quA1 cảnh sát điều tra Công A1 thị xã H T1 đối với bị cáo T vẫn còn hiệu lực cho đến khi bị cáo T thi hành xong các khoản phải thi hành án.

3. Về án phí: Các bị cáo T, T1, T3, L, V, T5, N, mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các T1 viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

